

BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

KHOA DƯỢC

BẢNG GIÁ THUỐC NỘI TRÚ THÁNG 09 NĂM 2022

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
Corticoid							
1	DepT3	Depo-Medrol 40mg	Lọ	Pfizer	Belgium		39,871.00
2	DexT21	Dexamethason KABI 4mg/1ml inj	Ống	Bình Định	Việt nam	1,985.00	1,985.00
3	DexT22	Dexamethason 0.5mg	Viên	Mekophar	Việt nam	180.00	180.00
4	DexT24	Dexamethasone 4mg/ml	Ống	Vĩnh Phúc	Việt nam	1,250.00	1,250.00
5	FarT1	Farnisone (Prednisone 5mg) 5mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	441.00	441.00
6	HUHT	HUHAJO 10mg	Viên nén	JRP CO., LTD	Korea	4,864.00	4,864.00
7	HydT33	Hydrocortisone 100mg	Lọ	Bidiphar	Việt nam	8,380.00	8,380.00
8	MedT91	Medrol 16mg	Viên	Pfizer	Italy	4,406.00	4,406.00
9	MedT9	Medrol 4mg	Viên	Pfizer	Italy	1,229.00	1,229.00
10	MetT123	Methylprednisolon 16mg 16 mg	Viên nén	Khánh Hòa	Việt nam	1,100.00	1,100.00
11	SoMT	Solu Médrol 40mg/1ml	Lọ	Pfizer	Belgium	41,872.00	41,872.00
Dịch truyền							
12	AcRT	Acetate Ringer'S 500ml	Chai	Otsuka	Việt nam	18,400.00	18,400.00
13	AmiT3	Aminoplasmal (*) 10% E 250ml	Chai	BBraun	GERMANY	117,403.00	117,700.00
14	AmiT31	Aminoplasmal (*) Hepa 10% 500ml	Chai	B.Braun	GERMANY	201,300.00	201,300.00
15	AmNT1	Aminosteril N - Hepa (*) 8% 500ml	Chai	Fresenius Kabi	Áo	180,510.00	180,510.00
16	ClIT1	Clinoleic 20% 100ml	Túi	Baxter	GERMANY	186,999.00	186,999.00
17	CuHT	Custodiol HTK 1000ml	Túi	DR. Franz Kohler Chemi	GERMANY	2,939,380.00	2,939,380.00
18	DiaT61	Dianeal 1.5% 2000ml	Túi	Baxter	GERMANY	94,427.00	94,427.00
19	DiaT6	Dianeal 2.5%, 2000ml	Túi	Baxter	GERMANY	94,427.00	94,427.00
20	DuoT1	Duosol without Potassium 5 lít	Túi	BBraun	GERMANY	737,000.00	737,000.00
21	EaPT1	Eau pour préparation 100ml (nước cất pha tiêm - Bình Định)	Chai	Bình Định	Việt nam	7,820.00	7,820.00
22	GeIT	Gelofusine fl/500ml	Lọ	BBraun	GERMANY	127,600.00	127,600.00
23	GluT4	Glucose 10% 250ml	Chai	Bình Định	Việt nam	11,592.00	11,592.00
24	GluT63	Glucose 10% 500ml- Braun	Chai	B.Braun	Việt nam	15,094.00	15,094.00
25	GluT7	Glucose 10% 500ml-Otsuka	Chai	Otsuka OPV	Việt nam	13,455.00	13,455.00
26	GluT52	Glucose 30% 250ml	Chai	Bình Định	Việt nam	13,524.00	13,524.00
27	GluT65	Glucose 30% 500ml	Chai	Bình Định	Việt nam	13,283.00	13,283.00
28	GluT9	Glucose 30% 500ml-Braun	Chai	B.Braun	Việt nam	19,900.00	19,900.00
29	GluT62	Glucose 5% 500ml - Braun	Chai	BBraun	Việt nam	10,868.00	10,868.00
30	GluT6	Glucose 5% 500ml - Otsuka	Chai	Otsuka OPV	Việt nam	12,879.00	11,845.00
31	MorT3	Morihepamin (*) 200ml	Túi	AY Pharmaceuticals	Japan	128,295.00	128,295.00
32	NepT	Nephrosteril (*) 250ml	Chai	Fresenius	Áo	105,570.00	105,570.00
33	NuVT	Nước vô khuẩn pha tiêm 1L	Chai	Mekophar	Việt nam	23,805.00	23,805.00
34	OINT1	Olimel N9E (*) 1000 ml	Túi	Baxter	Belgium	946,000.00	946,000.00
35	OsmT	Osmofundin(Manitol) 20% fl/250ml	Lọ	B.Braun	GERMANY	22,425.00	22,425.00
36	RILT11	Ringer lactat 500ml	Chai	B.Braun	Việt nam	13,186.00	13,186.00
37	RinT	Ringerfundin 500ml	Chai	B.Braun	GERMANY	22,943.00	22,943.00
38	SoCT62	Sodium chloride MEKOPHAR 0.9% (C/500ml truyền)	Chai	Mekophar	Việt Nam	10,350.00	10,350.00
39	SoCT61	Sodium chloride MEKOPHAR 10% 100ml	Chai	Mekophar	Việt nam	15,652.00	15,652.00
40	SoCT51	Sodium chlorua 0.9% 1000ml (B.Braun) PP (EP)	Chai	B.Braun	Việt nam	17,750.00	17,750.00
41	SoCT41	Sodium chlorua MEKOPHAR 0.9% (C/1000ml-rửa)	Chai	Mekophar	Việt nam	20,833.00	20,833.00
42	SoCT42	Sodium chlorua MEKOPHAR 0.9% (C/500ml-rửa)	Chai	Mekophar	Việt nam	11,500.00	11,500.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
43	SoCT	Sodium chlorure 0,9% 100ml Bình Định	Chai	Bình Định	Việt nam	7,004.00	7,004.00
44	SoCT3	Sodium chlorure 0,9% 500ml Perfuflex ; Macoflex	Túi	Lab Chaix	France	77,050.00	77,050.00
45	SoCT5	Sodium chlorure 0,9%1000ml Perfuflex;Macoflex	Túi	Macopharma	France	80,500.00	80,500.00
46	SodT2	Sodium chlorure 0.45% Hafsalin 500ML	Chai	B.Braun	Việt nam	13,800.00	13,800.00
47	SodT	Sodium chlorure 0.9% 500ml Otsuka	Chai	Otsuka	Việt nam	11,845.00	11,845.00
48	SoCT53	Sodium chlorure 0.9% 500ml(Braun)	Chai	BBraun	Việt nam	11,194.00	11,194.00
49	SoCT45	Sodium chlorure 3% 100ml	Chai	Bình Định	Việt nam	9,419.00	9,419.00
Dùng ngoài							
50	BeDT	Betadine Antiseptic 10% kl/tt; 125ml	Lọ	Mundipharma	Cyprus	57,727.00	57,727.00
51	BeMT	Betadine Mouthwash Gargle 1%	Lọ	Mundipharma	Cyprus	71,484.00	71,484.00
52	CavT2	Cavilon 28g (3391G)	Tube	3M Health care	Mỹ	145,200.00	145,200.00
53	CavT21	Cavilon 28ml (3346E)	Chai	3M Health care	Mỹ	242,000.00	242,000.00
54	EaOT	Eau oxygénée 10V 60ml	Lọ	OPC	Việt nam	2,079.00	2,079.00
55	FIGT1	Flexorin Gel	Tube		ITALIA	319,000.00	319,000.00
56	InoT	Inopilo (Dầu mù u)	Lọ		Việt nam	6,069.00	6,069.00
57	KefT1	Kefentech 30mg	Miếng	Jeol	Korea	10,100.00	10,100.00
58	MedT92	Medoral 0.2% 250ml	Chai	Merap	Việt nam	103,500.00	103,500.00
59	OraT1	Orafar 90ml	Lọ	Pharmedic	Việt nam	7,088.00	7,088.00
60	PovT3	Povidine 10% 90ml (PK)	Chai	Pharmedic	Việt nam	16,887.00	16,887.00
61	PoIT	Povidone Iodine (PK) 10% 90ml	Chai	Mekophar	Việt nam	18,912.00	18,912.00
62	ProT112	Prontosan solution round 350ml	Chai	BBraun	Switzerland	385,000.00	385,000.00
63	ProT113	Prontosan Wound-gel 30ml	Lọ	B.Braun	Switzerland	440,000.00	440,000.00
Kháng sinh							
64	AmoT2	Amoxicillin 500mg	Viên	Mekophar	Việt nam	725.00	725.00
65	AmpT4	Ampholip (*) 5mg/1ml; 10ml	Lọ	Bharat	India	1,908,000.00	1,908,000.00
66	AugT6	Augmentin 1g	Viên nén	Smithkline - United	England	19,182.00	19,182.00
67	AugT1	Augmentin 250/31.25 mg	Gói	Glaxo Wellcome	France	12,271.00	12,271.00
68	CanT5	Cancidas (*) 50mg	Lọ	Merck	France	6,922,860.00	6,922,860.00
69	CanT51	Cancidas (*) 70mg	Lọ	Merck	France	8,786,022.00	8,786,022.00
70	CaAT	Caspofungin Acetate (*) 50mg	Lọ	Gland Pharma Limited	Ấn độ	3,910,776.00	3,910,776.00
71	CefT1	Cefazolin 1 g	Lọ	Panpharma	France	28,750.00	28,750.00
72	CeET2	Ceftazidime EG 1g 1g	Hộp 1 lọ	Pymepharco	Việt nam	17,710.00	17,710.00
73	CefT114	Ceftriaxone 1g 1g	Lọ	Panpharma	France	33,350.00	33,350.00
74	ClaT3	Clarithromycin 500mg	Viên nén	Liên Doanh Stada	Việt nam	5,910.00	5,910.00
75	CIST	Clarithromycin Stella 500mg	Viên nén	STELLA	Việt nam	5,980.00	5,980.00
76	CotT13	Cotrimoxazole 800/160 960mg	Viên nén	STELLA	Việt nam	1,044.00	1,044.00
77	DalT3	Dalacin C 600mg/4ml	Lọ	Pfizer	Belgium	115,281.00	115,281.00
78	DapT1	Daptomred 500 500mg/15ml	Hộp 1 lọ	Dr.Reddy's	India	1,800,940.00	1,800,940.00
79	DiIT	Diflucan IV 200mg/100ml	Chai	Pfizer	France	866,250.00	866,250.00
80	FIST1	Fluconazole stella 150mg	Viên	STELLA	Việt nam	10,119.00	10,119.00
81	FosT11	Fosmicin (*) 2g	Lọ	Meji Seika Kaisha	Japan	204,600.00	204,600.00
82	GenT3	Gentamycine KABI 40mg	Ống	Bidiphar	Việt nam	1,436.00	1,436.00
83	ImCT	Imipenem Cilastatin Kabi (*) 500mg/500mg	Lọ	Fresenius Kabi	Italy	139,944.00	139,944.00
84	InvT	Invanz (*) 1g	Lọ	Merck Sharp & Dohme-C	France	607,663.00	607,663.00
85	MacT21	Macdin * 600mg	Viên	Macleods	India	21,505.00	21,505.00
86	MerT12	Meronem* IV 1g (BHYT)	Lọ	ACS Dobfar S.P.A	Italy	751,480.00	751,480.00
87	MyFT	Mycamine for 50mg	Lọ	Astellas	Japan	2,532,075.00	2,532,075.00
88	NeoT22	Neocin 25mg/5ml	Chai	Pharmedic	Việt nam	3,578.00	3,578.00
89	NysT	Nystafar 100.000UI/1g	Gói	Pharmedic	Việt nam	1,588.00	1,588.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
90	OpeT3	OpeAzitro 500mg	Viên	OPV	Việt nam	12,650.00	12,650.00
91	PipT4	Piperacillin/Tazobactam Kabi 4.5g/0.5g	Lọ	Labesfal-Laboratorios Al	Portugal	94,185.00	94,185.00
92	PyAT	Pyme Azi 500 500 mg	Viên nén	Pymepharco	Việt nam	3,768.00	3,768.00
93	PyT	Pythinam 500mg	Lọ	Pymepharco	Việt nam		81,650.00
94	RifT	Rifamicine 300mg	Viên	Mekophar	Việt nam	2,880.00	2,880.00
95	RocT12	Rocephin 1g I.V (BHYT)	Lọ	F.Hoffmann-La Roche L	Switzerland	166,981.00	166,981.00
96	SelT3	Selemycin 500mg/2ml	Ống	Medochemie	Sip	43,700.00	43,700.00
97	TieT1	Tienam * 500/500mg IV (*)	Lọ	Merck Sharp & Dohme-C	Mỹ	272,074.00	272,074.00
98	TobT	Tobrex 0.3% 5ml collyre	Lọ	S.A Alcon	Belgium	46,000.00	46,000.00
99	TygT	Tygacil (*) 50mg	Lọ	Pfizer	France	804,100.00	804,100.00
100	UnaT	Unasyn 1,5 g	Lọ	Haupt Pharma Latina S.	Italy	75,900.00	75,900.00
101	VerT4	Verapime 1G 1Gram	Hộp 1 lọ		Greece	71,185.00	71,185.00
102	XorT	Xorimax 500mg	Viên	Sandoz	Áo	9,597.00	9,597.00
103	ZavT	Zavicefta 2g/0.5g 2 gr/0.5gr	Lọ	Pfizer	ITALIA	2,938,320.00	2,938,320.00
104	ZepT	Zepilen 1g	Hộp 1 lọ	Medochemie	Czech Republic		32,775.00
105	ZerT	Zerbaxa 1g/0.5g 1g /0.5g	Lọ	Merck Sharp & Dohme-C	ITALIA	1,728,860.00	1,728,860.00
106	ZidT	Zidimbiotic 1000 1g	Lọ	Tenamyd	Việt nam	43,700.00	43,700.00
107	ZinT11	Zinnat 500mg	Viên	GlaxoSmithKline		25,450.00	25,450.00
108	ZitT	Zitromax 500mg	Viên nén	Pfizer		103,293.00	103,293.00
109	ZyvT	Zyvox * 600mg/300ml	Túi	Fresenius	Norway	1,047,200.00	1,047,200.00
Mỹ phẩm							
110	GaVT1	Gạc Vaseline	Miếng	Hùng Phương	Việt nam	1,116.00	1,116.00
111	NoRT4	No rinse Shampoo 8oz (Cleanlife)	Chai		Mỹ	133,100.00	133,100.00
Thực Phẩm Chức Năng							
112	QuiT1	Quickstick	Cái	Phamatech	USA	23,000.00	23,000.00
Thực phẩm dinh dưỡng							
113	FomT1	Fomeal 237ml 237 ml	Hộp		Việt nam	79,925.00	79,925.00
114	PepT1	Sữa Peptamen 400g (Nestle)	Hộp	Nestle	Switzerland	475,200.00	475,200.00
115	SuPT2	Sữa Peptamen Juniol 13.7g	Hộp	Nestle	New zealand	484,000.00	484,000.00
Thuốc có hoạt chất thuộc danh mục cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực							
116	AveT1	Avelox 400mg	Viên	bayer	GERMANY	60,375.00	60,375.00
117	AveT	Avelox 400mg/250ml	Chai	bayer	GERMANY	404,250.00	404,250.00
118	CipT1	Ciprobay 200mg inj fl/100ml	Lọ	bayer	GERMANY	230,912.00	230,912.00
119	CipT2	Ciprobay 500mg cpr	Viên	bayer	GERMANY	17,480.00	17,480.00
120	CoRT8	Colchicine RVN 1mg	Viên	Roussel	Việt nam	1,512.00	1,512.00
121	ComT1	Combivent 0.5; 3.01mg/2.5ml	Ống	Laboratoire Unither	France	18,485.00	18,485.00
122	CraT	Cravit 250mg/50ml	Lọ	Olic Limited	Thailand	102,925.00	102,925.00
123	FanT	Fanlodo 500mg/100ml (BHYT)	Lọ	Solupharm Pharmazeutis	GERMANY		90,850.00
124	FlaT2	Flagyl 250mg	Viên	Sanofi	Việt nam	1,250.00	1,250.00
125	LevT35	Levogolds 750mg/150ml	Túi		Switzerland		269,500.00
126	MetT41	Metronidazole Kabi 500mg/100ml	Chai	Bình Dinh	Việt nam	9,539.00	9,539.00
127	ScaT3	Scanax 500mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,260.00	1,260.00
128	TavT1	Tavanic 500mg cpr	Viên	Sanofi Winthrop	France	42,033.00	42,033.00
129	VamT3	Vammybivid 1g	Lọ	Thymoorgan Pharmazie	GERMANY	111,100.00	111,100.00
130	VenT2	Ventolin Syrup no sugar 2mg/5ml, 60ml	Lọ	Smithkline	Philips	24,018.00	24,018.00
131	VeAT	Ventoline Inhaler 100micrograms/liều, 200 liều	Lọ	GlaxoSmithKline	Australia	87,836.00	87,836.00
132	VeNT	Ventoline Neb. 5mg/2.5ml	Ống	GlaxoSmithKline	Australia	9,790.00	9,790.00
133	VoxT	Voxin 1g	Lọ	Vianex SA	Greece	100,223.00	100,223.00
Thuốc dạng phối hợp có chứa chất gây nghiện							

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
134	UItT11	Ultracet 37.5/325mg	Viên	Janssen	Korea	7,015.00	7,015.00
Thuốc độc							
135	AerT	Aerrane 250ml	Chai	Baxter	USA	632,500.00	632,500.00
136	AtiT11	Atropin Sulfat 0.25 mg (Vĩnh Phúc)	Ống	Vĩnh Phúc	Việt nam	725.00	725.00
137	ColT65	Colistimethate (*) 150mg (4.500.000IU)	Lọ	Patheon Inc.	Mỹ	1,587,880.00	1,587,880.00
138	CoTT11	Colistin TZF (*) 1M IU	Lọ	Polfa	Poland	414,700.00	414,700.00
139	DepT2	Depakine 200mg	Viên	Sanofi	France	2,975.00	2,975.00
140	FreT1	Fresofol 1% 20ml	Ống	Fresenius Kabi	Áo	29,498.00	29,498.00
141	RoKT	Rocuronium KABI 10MG/ML 5ML	Lọ	Fresenius	Áo	53,705.00	53,705.00
142	SanT	Sandostatin 0,1mg /ml	Ống	Novartis	Switzerland	265,678.00	265,678.00
143	SevT1	Sevoflurane 250ml	Chai	Baxter health care	USA	1,801,999.00	1,801,999.00
Thuốc gây nghiện							
144	DurT21	Durogesic 25mcg/h, miếng 4,2mg	Miếng	Janssen	Belgium	169,785.00	169,785.00
145	FenT24	Fentanyl 0,1mg/2ml - hộp/ 10 ống	Ống	Panpharma	GERMANY	14,720.00	14,720.00
146	FenT25	Fentanyl 0,1mg/2ml	Ống	Rotexmedica	GERMANY		14,720.00
147	MoCT	Morphine hydroclorid 10mg/ml 1ml	Ống	Vidipha	Việt nam	8,050.00	8,050.00
148	PeiT21	Pethidine 100mg/2ml	Ống	Hameln	GERMANY	20,700.00	20,700.00
149	SufT11	Sufentanil 50mcg/ml	Ống	Hameln	GERMANY	55,200.00	55,200.00
Thuốc hướng thần							
150	DiaT72	Diazepam 10mg 2ml	Ống	Panpharma	GERMANY	15,295.00	15,295.00
151	MidT12	Midazolam 5mg/1ml	Ống	Rotexmedica	GERMANY	21,735.00	21,735.00
152	PacT2	Paciflam (Midazolam) 5mg /ml	Ống	Siegfried Hameln GmbH	GERMANY	21,735.00	21,735.00
153	PheT11	Phenobarbital 100 mg	Viên nén	Vidipha	Việt nam	289.00	289.00
154	SedT12	Seduxen 5mg	Viên	Gedeon Richter	Hungary	1,512.00	1,512.00
Thuốc thường							
155	A.ZT	A.T ZINC 10mg	Viên	An Thiên	Việt nam	375.00	375.00
156	ACCT2	ACC 200mg	Gói	Lindopharm	GERMANY	2,153.00	2,153.00
157	AceT25	Acenocoumarol 4mg	Viên	SPM	Việt nam	2,760.00	938.00
158	AceT24	Acenocoumarol 1mg	Viên	SPM	Việt nam	850.00	850.00
159	AceT21	Acetazolamide 0.25g	Viên	Pharmedic	Việt nam		1,002.00
160	AcTT25	Acido Tranexamico 500mg/5ml	Ống		ITALIA	23,546.00	23,546.00
161	ActT2	Actilyse Treat 50mg	Lọ	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	10,943,003.00	10,943,003.00
162	AcHT	Actrapid HM 100 UI 10ml	Lọ	Novo Nordisk Pharmace	Denmark	75,900.00	71,299.00
163	AdaT12	Adalat LA 30mg	Viên	Bayer	GERMANY		10,872.00
164	AdeT4	Adenorythm 6mg/2ml	Ống	Vianex SA	Greece	935,000.00	935,000.00
165	AdrT2	Adrenaline 1mg	Ống	Vĩnh Phúc	Việt nam	3,600.00	3,600.00
166	AerT11	Aerius 5mg	Viên	Schering Plough	Belgium	10,948.00	10,948.00
167	AesT2	Aescin 40mg	Viên	Minh Hải	Việt nam	8,631.00	8,631.00
168	AetT	Aetoxisclerol 2% 40mg/2ml	Ống	Chemische Kreussler	GERMANY	297,000.00	308,000.00
169	AgiT2	Agifuros 40mg	Viên	Agimexpharm	Việt nam	169.00	169.00
170	AirT	Air-X 80mg	Viên	R.X Manufacturing	Thailand	1,076.00	1,076.00
171	AlbT24	Albunorm 5% 250ml	Lọ		Áo	1,309,099.00	1,309,099.00
172	AlbT12	Albutein 25% 50ml	Lọ	Grifols Biological	Mỹ	941,325.00	913,000.00
173	AldT22	Aldarone 200mg	Viên	Cadila	India	3,360.00	3,360.00
174	AleT2	Aleucin 500mg/5ml	Ống	Bidiphar	Việt nam	15,698.00	15,698.00
175	AlfT	Alfa-Lipogamma 600MG	Viên	Dragenopharm	GERMANY	19,320.00	19,320.00
176	AlIT6	Allopurinol 300mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	965.00	965.00
177	AlIT4	Allopurinol Stada 300mg	Viên	Stada	Việt nam	769.00	769.00
178	AlpT3	Alphachymotrypsine Choay 25U	Viên	Sanofi	Việt nam	2,413.00	2,413.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
179	AmyT1	Amitriptyline 25mg (Danapha)	Viên nén	Danapha	Việt nam	328.00	328.00
180	AmiT	Amlor CAP 5mg	Viên		France	8,732.00	8,732.00
181	AmiT4	Amlor TAB 5mg	Viên	Pfizer	Australia	8,732.00	8,732.00
182	AnaT12	Anaropin 5mg/ml ống 10ml	Ống	Astra zeneca	Switzerland	108,675.00	108,675.00
183	ApST	Apidra solostar 100UI/ml 3ml	Bút tiêm	Sanofi Aventis	GERMANY	220,000.00	220,000.00
184	AprT	Aprovel 150mg	Viên	Sanofi Winthrop	France	10,995.00	10,995.00
185	AprT1	Aprovel 300mg	Viên	Sanofi Winthrop	France	16,493.00	16,493.00
186	ArcT	Arcalion 200mg	Viên	Servier	France	3,956.00	3,956.00
187	AspT51	Aspilets 80mg	Viên	United Pharma	Việt nam	614.00	614.00
188	AspT43	Aspirin 81 mg	Viên	Agimexpharm	Việt nam	97.00	97.00
189	AteT2	Atelec 10mg	Viên	EA pharma	Japan	10,350.00	10,350.00
190	AtuT1	Atussin 60ml	Lọ	United Pharma	Việt nam	23,690.00	23,690.00
191	AvoT	Avodart 0.5mg	Viên	GlaxoSmithKline	Poland	19,846.00	19,846.00
192	AzoT1	Azotel 400mg	Viên	STELLA	Việt nam	4,200.00	4,200.00
193	BamT	Bambec 10mg	Viên	Astra zeneca	CHINA	6,485.00	6,485.00
194	BasT1	Basethyrox 100mg	Viên		Việt nam	919.00	919.00
195	BesT11	Bestrip	Viên	Pharmedic	Việt nam	438.00	438.00
196	BetT2	Betaloc 50mg	Viên	Astra zeneca	CHINA	3,168.00	3,168.00
197	BeZT	Betaloc Zok 25 mg	Viên	Astra zeneca	Sweden	5,267.00	5,267.00
198	BeZT1	Betaloc Zok 50mg	Viên	Astra zeneca	Sweden	6,314.00	6,314.00
199	BetT42	BetaSerc 24mg	Viên	Mylan	Netherlands	6,856.00	6,856.00
200	BirT	Biresort 10mg	Viên		Việt nam	263.00	263.00
201	BisT12	Bisolvon 8 mg	Viên	Boehringer	Indonesia	2,167.00	2,167.00
202	BriT1	Bricanyl 0,5mg /1ml ống 1ml	Ống	Cenexi	France	13,789.00	13,789.00
203	BriT4	Bridion 200mg/2ml	Ống	Merck Sharp & Dohme-C		2,136,890.00	2,136,890.00
204	BriT3	Brilinta 90mg	Viên	Astra zeneca	Sweden	18,254.00	18,254.00
205	BroT3	Bromhexin 8mg	Viên	Actavis	Bungari	666.00	666.00
206	BruT1	Brudopa 200mg / 5ml	Ống	B.Braun	India		21,850.00
207	CaCT4	Calci clorid 0.5g/5ml	Ống	Vidipha	Việt nam	1,975.00	1,975.00
208	CaST3	Calcium Stella 500mg (2.940mg; 300mg)	Viên	STELLA	Việt nam	4,200.00	4,200.00
209	CanT	Candelong 4mg	Viên	Micro Labs	India	2,820.00	2,820.00
210	CapT2	Captopril Stada 25mg	Viên	Stada	Việt nam	563.00	563.00
211	CaST2	Captopril Stella 25mg	Viên nén	STELLA	Việt nam	600.00	600.00
212	CarT62	Carbocistein 200mg	Gói	Imexpharm	Việt nam	1,814.00	1,814.00
213	CarT12	Carbogast	Viên	Nadyphar	Việt nam	1,594.00	1,594.00
214	CarT15	Cardilopin 5mg	Viên	Egis pharmaceuticals	Hungary	510.00	510.00
215	CarT7	Carduran 2mg	Viên nén	Pfizer	Áo	9,700.00	9,700.00
216	CarT65	Carvestad 6.25mg	Viên	STELLA	Việt nam	862.00	863.00
217	CelT3	Celebrex 200mg	Viên	Pfizer	USA	13,700.00	13,700.00
218	CetT	Cetirizine Stada 10mg	Viên	Stada	Việt nam	500.00	500.00
219	CeST	Cetirizine Stella 10mg	Viên	STELLA	Việt nam	500.00	500.00
220	CIRT	Cipremi RTU 100mg/20ml	Lọ	Cipla	Ấn độ		
221	CLoT55	CLopeniramin 4 mg	Viên nén	DP3/2	Việt nam	67.00	67.00
222	CloT54	Clopistad 75mg	Viên	STELLA	Việt nam	3,360.00	3,360.00
223	CoAT1	Co Aprovel 150/12.5mg	Viên	Sanofi	France	10,995.00	10,995.00
224	Co-T	Co-Diovan 160/25mg	Viên nén	Novartis	Italy	19,904.00	19,904.00
225	Co-T1	Co-Diovan 80/12.5mg	Viên	Novartis	Switzerland	11,485.00	11,485.00
226	ConT1	Concor Cor 2,5 mg	Viên	Merck	GERMANY	3,776.00	3,776.00
227	ConT11	Concor 5mg	Viên	Merck	GERMANY	5,148.00	5,148.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
228	CorT1	Cordarone 150mg/3ml	Ống	Sanofi	France	34,555.00	34,555.00
229	CorT11	Cordarone 200mg	Viên	Sanofi	France	7,763.00	7,763.00
230	CouT	Coumadine 2mg	Viên nén	Vianex SA	Greece	5,166.00	5,166.00
231	CovT3	Coversyl 10mg	Viên	Servier	France	9,154.00	9,154.00
232	CovT2	Coversyl 5mg	Viên	Servier	France	6,498.00	6,498.00
233	CoPT2	Coversyl plus arginine 5/1.25mg	Viên	Servier	France	7,475.00	7,475.00
234	CozT	Cozaar 50mg	Viên	Merck	England	9,626.00	9,626.00
235	CreT	Crestor 10mg	Viên	IPR Pharmaceutical INC	England	16,736.00	16,736.00
236	CreT1	Crestor 20mg	Viên	IPR Pharmaceutical INC	England	20,774.00	20,774.00
237	DafT	Daflon 500mg	Viên	Servier	France	3,910.00	3,910.00
238	DafT1	Daflon1000 1000mg	Viên	Servier	France	7,268.00	7,268.00
239	DecT22	Decolic 100mg	Viên	DP 3/2	Việt nam	822.00	822.00
240	DEXT25	Dextromethorphan 15mg	Viên	Dược phẩm 3/2	Việt nam	207.00	207.00
241	DiMT	Diamicron MR 30mg	Viên	Les Laboratoires	France	3,318.00	3,318.00
242	DiMT2	Diamicron MR 60MG	Viên	Les Laboratoires	France	6,078.00	6,078.00
243	DiaT1	Diaphylina 4,8%	Ống	Gedeon Richter	Hungary	13,603.00	13,603.00
244	DigT12	Digoxin 0.5 mg/2 ml	Ống	Anfarm Hellas S.A	Greece	40,250.00	40,250.00
245	DiQT	Digoxine Qualy 0.25mg	Viên	DP 3/2	Việt nam	788.00	788.00
246	DiIT	Dilatrend 6,25mg	Viên nén	Hoffmann	Switzerland	5,753.00	5,753.00
247	DiIT22	Diltiazem 60mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,440.00	1,440.00
248	DImT3	Dimedrol 10mg/1ml	Ống	Vĩnh Phúc	Việt nam	813.00	813.00
249	DioT1	Diovan 160mg	Viên nén	Novartis	Spain	17,098.00	17,098.00
250	DioT	Diovan 80mg	Viên nén	Novartis	Spain	10,771.00	10,771.00
251	DiuT	Diurefar 40mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	260.00	260.00
252	DobT13	Dobutamine 250mg/20ml (Đức)	Ống	Hameln	GERMANY	91,770.00	91,770.00
253	DomT2	Domever 25mg	Viên	Domesco	Việt nam	2,155.00	2,155.00
254	DomT	Domitazol 250mg+20mg+25mg	Viên	Domesco	Việt nam	2,496.00	2,496.00
255	DopT1	Dopegyt 250mg	Viên	Egis pharmaceuticals	Hungary	2,328.00	2,328.00
256	DuoT4	Duodart 0.5mg/0.4mg	Viên		GERMANY	27,773.00	27,773.00
257	DuoT3	Duoplavin 75mg/100mg	Viên	Sanofi Aventis	France	23,952.00	23,952.00
258	DuPT	Duphalac pdr orale 15g	Gói	Abbott	Hà lan	3,274.00	3,274.00
259	EffT	Effergalan 150mg(goi)	Gói		France	3,064.00	3,064.00
260	EffT13	Effergalan 150mg(sup)	Viên	Bristol Myer Squibb	France	2,904.00	2,710.00
261	EffT3	Effergalan 80mg(goi)	Gói	Bristol Myer Squibb	France	2,494.00	2,326.00
262	EffT12	Effergalan 80mg(sup)	Viên	Bristol Myer Squibb	France	2,268.00	2,268.00
263	EftT	Efticol 0.9% (chai 10ml)	Lọ	DP 3/2	Việt nam	3,150.00	3,150.00
264	EliT	Eliquis 2.5mg	Viên	Pfizer	Thailand	27,773.00	27,773.00
265	EltT	Elthon 50mg	Viên	Mylan	Japan	5,755.00	5,755.00
266	EmCT	Emla crème 5%	Tube	Astra	Switzerland	42,688.00	42,688.00
267	EnaT23	Enalapril 5mg	Viên	STELLA	Việt nam	512.00	512.00
268	EnaT1	Enalapril 5mg Stada	Viên	Liên Doanh Stada	Việt nam	625.00	625.00
269	EntT3	Entacron 25 25mg	Viên	Savipharm	Việt nam		1,840.00
270	EntT	Enterogermina 5ml/10 ⁹	Ống	Sanofi	ITALIA	7,549.00	7,549.00
271	EprT	Eporex 2000 IU/0.5ml	Ống	Cilag AG	Switzerland	297,000.00	297,000.00
272	ExfT1	Exforge 10/160mg	Viên	Novartis	Spain	20,823.00	20,823.00
273	ExfT	Exforge 5/80mg	Viên	Novartis	Spain	11,485.00	11,485.00
274	EzvT	Ezvasten 20/10mg	Viên	Davipharm	Việt nam	9,085.00	9,085.00
275	FarT	Farzincol 10mg	Viên	Pharmedic			394.00
276	FatT	Fatodin 40mg	Viên	DP Hậu Giang	Việt nam	1,050.00	1,050.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
277	FebT1	Feburic 80mg	Viên	Astellas	France	29,584.00	29,584.00
278	FebT2	Febustad 40 MG	Viên	STELLA	Việt nam	17,250.00	17,250.00
279	FexT1	Fexostad 60mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,440.00	1,440.00
280	FluT22	Fluotin 20mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,380.00	1,380.00
281	FluT23	Fluzinstad 5mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,296.00	1,296.00
282	ForT4	Forlax 10g pdr orale	Gói	Beaufour Ipsen	France	5,130.00	5,130.00
283	ForT1	Fortrans	Gói	Beaufour Ipsen	France	34,500.00	34,500.00
284	ForT91	Forxiga 10mg	Viên	Astra zeneca	Mỹ	21,850.00	21,850.00
285	ForT9	Forxiga 5mg	Viên	Astra zeneca	Mỹ	21,850.00	21,850.00
286	FraT12	Franilax 20/50mg	Viên	Davipharm	Việt nam	1,260.00	1,260.00
287	FuST	Furosemide Salf 20mg/2ml	Ống	S.A.L.F.S.p.A.Laboratori	Italy	5,160.00	5,160.00
288	GalT	Galvus 50mg	Viên	Novartis	Switzerland	9,459.00	9,459.00
289	GaMT	Galvus Met 50/1000mg	Viên	Novartis	GERMANY	10,665.00	10,665.00
290	GaMT2	Galvus Met 50/500mg	Viên	Novartis	GERMANY	10,665.00	10,665.00
291	GaMT1	Galvus Met 50/850mg	Viên	Novartis	GERMANY	10,665.00	10,665.00
292	gasT2	gastrylstad 15ml	Lọ	STELLA	Việt nam	21,275.00	21,275.00
293	GavT	Gaviscon 267mg	Gói	Reckitt Benckiser	England	5,935.00	5,935.00
294	GaDT	Gaviscon dual 500mg,213mg,325mg	Gói	United		7,994.00	7,994.00
295	gelT4	Gel-Aphos 20g	Gói	Agimexpharm	Việt nam	1,236.00	1,236.00
296	GemT1	Gemapaxane 6000IU/0.6ml 6000IU	Ống	Italfarmaco S.A	ITALIA	109,250.00	109,250.00
297	GluT22	Glucophage 850mg	Viên	Merck	France	4,130.00	4,130.00
298	GluT27	Glucophage XR 1000mg	Viên	Merck	France	5,812.00	5,812.00
299	GluT24	Glucophage XR 500mg	Viên	Merck	France	2,806.00	2,806.00
300	GluT26	Glucophage XR 750mg	Viên	Merck	France	4,412.00	4,412.00
301	GITT	Glyceryl Trinitrate 1mg/ml; 10ml	Ống	Hameln	GERMANY	92,325.00	92,325.00
302	GlyT2	Glypressin 1mg	Lọ	Ferring SA	GERMANY	819,357.00	819,357.00
303	GraT1	Grandaxin 50mg	Viên	Egis pharmaceuticals	Hungary	9,200.00	9,200.00
304	HalT3	Halofar 2mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	156.00	156.00
305	HalT	Haloperidol 0.5%/1ml	Ống	Danapha	Việt nam	2,520.00	2,520.00
306	HapT1	Hapacol 150mg	Gói	DP Hậu Giang	Việt nam	1,188.00	1,188.00
307	HapT12	Hapacol 80 80mg	Gói	DP Hậu Giang	Việt Nam	1,260.00	1,260.00
308	HeST	Heparine sodique (Natri) 25000 UI IV 5ml	Lọ	Panpharma	GERMANY	219,450.00	219,450.00
309	HerT	Herbesser 30mg	Viên	P.T Tanabe	Indonesia	1,743.00	1,743.00
310	HerT1	Herbesser 60mg	Viên	P.T Tanabe	Indonesia	2,578.00	2,578.00
311	HerT2	Herbesser R100mg	Viên	Mitsubishi Tanabe Pharm	Japan	3,823.00	3,823.00
312	HuMT12	Humalog Mix 50/50	Bút tiêm	Lilly SA	France	249,700.00	249,700.00
313	HuAT4	Human Albumin Baxter 20% (200g/l) 50ml	Hộp	Baxter	Áo	654,500.00	654,500.00
314	HypT1	Hyperium 1mg	Viên	Servier	France	5,308.00	5,308.00
315	IloT	Ilomedin 20mcg/ml	Ống	Berlimed	Spain	686,070.00	686,070.00
316	ImdT1	Imdur 30mg	Viên	Astra zeneca	CHINA	3,894.00	3,894.00
317	ImdT	Imdur 60mg	Viên	Astra zeneca	CHINA	7,398.00	7,398.00
318	InMT	Insulin Mixtard 30 Flexpen 100IU/ml 3ml	Bút tiêm	Novo Nordisk	Denmark	90,850.00	79,350.00
319	MixT	Insulin Mixtard 30HM 100IU/ml 10ml	Lọ	Novo Nordisk	Denmark	86,249.00	71,299.00
320	IrST1	Irbesartan Stella 150mg	Viên	STELLA	Việt nam	4,140.00	4,140.00
321	JANT13	Janumet 50mg/1000mg	Viên	Merck	Hà lan	12,239.00	12,239.00
322	JANT14	Janumet 50mg/500mg	Viên		Puerto rico	12,239.00	12,239.00
323	JANT12	Janumet 50mg/850mg	Viên	Merck	Hà lan	12,239.00	12,239.00
324	JANT15	Janumet XR 100mg/1000mg	Viên	MSD	Netherlands	25,237.00	25,237.00
325	JANT16	Janumet XR 50mg/1000mg	Viên	MSD	Netherlands	14,075.00	14,075.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
326	JanT	Januvia 100mg	Viên	Merck Sharp & Dohme-C	England	19,908.00	19,908.00
327	JanT1	Januvia 50mg	Viên	Merck Sharp & Dohme-C	England	19,908.00	19,908.00
328	JarT	Jardiance 10mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	26,533.00	26,533.00
329	JarT1	Jardiance 25mg	Viên	Boehringer Ingelheim	GERMANY	30,513.00	30,513.00
330	JasT1	Jasugrel 10mg	Viên		Spain	41,400.00	41,400.00
331	KalT	Kaleorid 600mg	Viên	Leo pharmaceutical	Denmark	2,520.00	2,520.00
332	KalT2	Kalimate 5g	Gói	EuviPharm	Việt nam	17,250.00	17,250.00
333	KepT	Keppra 500mg	Viên	UCB Pharma S.A	Belgium	17,791.00	17,791.00
334	KetT31	Ketosteril	Viên	Labesfal-Laboratorios Al	Philips	15,577.00	15,577.00
335	KoXT	Komboglyze XR 5mg/1000mg	Viên	Astra	Singapore	24,622.00	24,622.00
336	LacT3	Lacipil 4mg	Viên	Glaxo Wellcome	Spain	7,850.00	7,850.00
337	LamT	Lamzidivir	Viên	Stada	Việt nam	13,800.00	13,800.00
338	LanT1	Lantus 100IU/ml 10ml	Lọ	Sanofi Aventis	GERMANY	555,532.00	555,532.00
339	LanT12	Lantus SoloStar 100IU/ml, 3ml	Bút tiêm	Sanofi Aventis	GERMANY	304,150.00	304,150.00
340	LevT1	Levonor,Noradrenaline 1mg/1ml	Ống	Warsaw	Poland	40,250.00	40,250.00
341	LevT2	Levothyrox 50mcg	Viên	Merck	GERMANY	1,208.00	1,208.00
342	LidT2	Lidocaine 10% 38g	Lọ	Egis	Hungary	174,901.00	174,901.00
343	LidT	Lidocaine 2% 10ml	Ống	Egis	Hungary	17,630.00	17,630.00
344	LidT1	Lidocaine 2% 2ml	Ống	Bình Dinh	Việt nam	471.00	471.00
345	LifT	Lifezar 50mg	Viên	United	Việt nam	3,024.00	3,024.00
346	LipT2	Lipanthyl 200mg	Viên nh	Recipharm	France	8,111.00	8,111.00
347	LiNT2	Lipanthyl NT 145mg	Viên	Fournier	Ireland	12,145.00	12,145.00
348	LipT84	Lipistad 10mg	Viên	STELLA	Việt nam	692.00	692.00
349	LipT85	Lipistad 20mg	Viên	STELLA	Việt nam	887.00	887.00
350	LipT14	Lipitor 10mg	Viên	Pfizer	Mỹ	18,332.00	18,332.00
351	LipT15	Lipitor 20mg	Viên	Pfizer	Mỹ	18,332.00	18,332.00
352	LipT16	Lipitor 40mg	Viên	Pfizer	Mỹ	26,195.00	26,195.00
353	LixT	Lixiana 60mg	Viên	Daiichi-Sankyo	GERMANY	62,100.00	62,100.00
354	LovT1	Lovenox 40mg/0.4ml	Ống	Sanofi	France	103,097.00	103,097.00
355	LYRT	Lyrica 75mg	Viên	Pfizer	GERMANY	20,338.00	20,338.00
356	MaST11	Magnesium sulphate KABI 15% 10ML	Ống	Bình Dinh	Việt nam	3,478.00	3,478.00
357	MedT8	Medsamic 500mg/5ml	Ống	Pfizer	Italy	22,195.00	22,195.00
358	MetT5	Metazydyna 20mg	Viên	Polfa	Poland	2,136.00	2,136.00
359	MetT12	Metformin 500mg	Viên	Stada	Việt nam	750.00	750.00
360	MetT121	Metformin 850mg	Viên	Stada	Việt nam	800.00	800.00
361	MetT61	Methorfar 15mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	359.00	359.00
362	MetT11	Metoclopramid Kabi 10mg/2ml	Ống	Fresenius	Việt nam	1,702.00	1,702.00
363	MiaT2	Miacalcic 50IU inj	Ống	Novartis	Switzerland	101,052.00	101,052.00
364	MicT	Micardis 40mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	11,307.00	11,307.00
365	MicT1	Micardis 80mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	17,075.00	17,075.00
366	MiPT	Micardis plus 40/12.5mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	11,945.00	11,945.00
367	MiIT15	Milrinone - BFS 1mg/ml ống 10ml	Ống	CPC1	Việt nam	1,078,000.00	1,078,000.00
368	MisT1	Misenbo 62.5	Viên	Hasan	Việt nam	46,585.00	46,585.00
369	MolT16	Molnupiravia 400mg	Viên	STELLA	Việt nam		10,350.00
370	MolT12	Motilium 60ml sirop	Lọ	Olic Limited	Thailand	47,839.00	47,839.00
371	MoMT	Motilium M 10mg	Viên né	Olic Limited	Thailand	2,176.00	2,176.00
372	MyET	Mydrin-P eye drop 10ml	Lọ	Santen	Finland	77,624.00	77,624.00
373	NadT	Nadecin 10mg	Viên	S.C. Arena Group S.A	Romania	2,940.00	2,940.00
374	NarT	Naloxone 0,4mg/ml	Ống	Hameln	GERMANY	50,594.00	50,594.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
375	NaST1	Nat spray sol 0,30mg/dose fl 18ml	Lọ	Alfa Wasser	ITALIA	236,499.00	236,499.00
376	NaST11	Natrilix SR 1.5mg	Viên	Servier	France	3,918.00	3,918.00
377	NebT3	Nebilet 5mg	Viên	Berlin Chemie	GERMANY	8,740.00	8,740.00
378	NeoT4	Neopeptine 100mg	Viên	Raptakos	India	2,421.00	2,421.00
379	NeuT5	Neupogen 30MU/0.5ML	Ống	Amgen	USA	613,852.00	613,852.00
380	NeuT3	Neurontin 300mg	Viên	Pfizer	GERMANY	13,013.00	13,013.00
381	NexT	Nexium 40mg inj	Lọ	Astra	Singapore	168,916.00	168,916.00
382	NexT2	Nexium mups 20mg	Viên	Astra zeneca	Sweden	25,824.00	25,824.00
383	NexT1	Nexium mups 40mg	Viên	Astra	Sweden	25,824.00	25,824.00
384	NicT	Nicardipine 10mg/10ml	Ống	Ague ttant	France	137,499.00	137,499.00
385	NicT1	Nicomen 5mg	Viên	Standard Chem. & Pharm	Taiwan	4,080.00	3,960.00
386	NIT33	Nifedipin T20 retard 20mg	Viên	STELLA	Việt nam	681.00	681.00
387	NifT	Nifedipin T20 retard 20mg	Viên	Liên Doanh Stada	Việt nam	675.00	675.00
388	NifT2	Nifehexal 30mg LA	Viên	Sandoz	Slovenia	4,266.00	4,266.00
389	NIGT	NIGLYVID 1mg/ml -10ml	Ống	Hameln	GERMANY	92,325.00	92,325.00
390	NitT3	Nitromint 10g aerosol	Lọ	Egis	Hungary	165,006.00	165,006.00
391	NorT	Noradrenaline tartrat 4mg/4ml	Ống	Ague ttant	France	43,688.00	43,688.00
392	No-T	No-spa 40mg, 2ml	Ống	Chinoin Pharmaceutical	Hungary	6,102.00	6,102.00
393	NovT1	Novomix 30Flexpen 100IU/ML 3ml	Bút tiêm	Novo Nordisk	Denmark	250,635.00	250,635.00
394	NuCT3	Nước cất pha tiêm - DP 3/2 5 ml	Ống	DP3/2	Việt Nam	8,694.00	8,694.00
395	NuCT4	Nước cất pha tiêm - Vĩnh Phúc 10ml	Ống	Vĩnh Phúc	Việt Nam	2,268.00	2,268.00
396	NuCT1	Nước cất pha tiêm 10ml	Ống		Việt nam	2,268.00	2,268.00
397	NuCT7	Nước cất pha tiêm 10ml 10ml	ống	Bidiphar	Việt nam	1,024.00	1,024.00
398	OlaT2	Olanstad 10mg	Viên	STELLA	Việt nam	931.00	931.00
399	OmnT	Omnipaque 350mg/1ml; 100ml	Lọ	Nycomed Amersham S.A	France	670,054.00	670,054.00
400	OreT2	Oresol 245 520mg	Gói	DP Hậu Giang	Việt Nam	784.00	784.00
401	OreT3	Oresol 4.22g	Gói	Bidiphar	Việt nam	1,260.00	1,260.00
402	PanT32	Panadol 500mg EFF	Viên	GlaxoSmithKline	Australia	2,940.00	2,940.00
403	PanT4	Panangin 175mg; 166,3mg	Viên	Gedeon Richter	Hungary	1,915.00	1,915.00
404	PanT71	Pantoloc 40mg (inj)	Lọ	Takeda GmbH	GERMANY	160,600.00	160,600.00
405	PanT7	Pantoloc 40mg (viên)	Viên	Takeda GmbH	GERMANY	21,274.00	21,274.00
406	PaCT13	Pantostad CAP 40mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,800.00	1,800.00
407	PapT2	Papaverin 2% 40mg/2ml	Ống	Danapha	Việt Nam	4,158.00	4,158.00
408	ParT12	Paracetamol KABI 1000mg/100ml	Chai	Bình Dinh	Việt nam	15,577.00	15,577.00
409	ParT2	Pariet 20mg	Viên	Bushu	Japan	22,655.00	22,655.00
410	PheT3	Phenylephrine 50mcg/ml	Ống	Ague ttant	France	213,950.00	213,950.00
411	PheT2	Phenytoin 100mg	Viên	Danapha	Việt nam	433.00	433.00
412	PhGT	Phosphalugel gel oral	Gói	Pharmatis	France	4,501.00	4,501.00
413	PirT	Piracetam 400 mg	Viên nén	Egis	Hungary	1,706.00	1,706.00
414	PlaT1	Plavix 300mg	Viên	Sanofi Aventis	France	66,976.00	66,976.00
415	PlaT	Plavix 75mg	Viên	Sanofi Aventis	France	20,360.00	20,360.00
416	PMST3	PMS-Rosuvastatin 10mg	Viên	Pharmascience Inc	Canada	1,530.00	1,530.00
417	PMST2	PMS-Rosuvastatin 20mg	Viên	Pharmascience Inc	Canada	3,048.00	3,048.00
418	PoCT2	Potassium chloride 10% 10ml	Ống	Ague ttant	France	6,325.00	6,325.00
419	PirT7	Pracetam Stella 400mg	Viên	STELLA	Việt nam	1,000.00	1,000.00
420	PraT31	Pradaxa 110mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	34,946.00	34,946.00
421	PraT32	Pradaxa 150mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	34,946.00	34,946.00
422	PraT3	Pradaxa 75mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	34,946.00	34,946.00
423	PraT33	Praxbind 2.5g/50ml	Lọ	Boehringer Ingelheim	GERMANY	11,435,218.00	11,435,218.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
424	PriT	Primperan 10mg cpr	Viên	Sanofi	France	2,198.00	2,198.00
425	ProT8	Procoralan 5mg	Viên	Servier	France	11,808.00	11,808.00
426	ProT81	Procoralan 7,5mg	Viên	Servier	France	12,128.00	12,128.00
427	ProT114	Prosulf 10mg/ml, 5ml	Ống	CP Pharmaceuticals Ltd	UK	316,800.00	316,800.00
428	PuRT	Pulmicort Respules 0.5mg 2ml	Ống	Astra zeneca	Sweden	15,909.00	15,909.00
429	RaT	Ratidin 150mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	785.00	785.00
430	RaFT	Ratidin F 300mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	1,185.00	1,185.00
431	RecT	Rectiofar 3ml	Ống	Pharmedic	Việt nam	2,237.00	2,237.00
432	RecT1	Rectiofar 5ml	Ống	Pharmedic	Việt nam	2,972.00	2,972.00
433	RemT1	Remeron 30mg	Viên	Merck Sharp & Dohme-C	UK	20,270.00	20,270.00
434	RhaT	Rhaminas 500mg/400mg	Viên	Mekophar	Việt nam	5,280.00	5,280.00
435	RIDT	RIDLOR 75mg	Viên	Pharmathen S.A	Greece	1,319.00	1,319.00
436	RotT26	Rotundin 30mg	Viên	SPM	Việt nam	1,764.00	1,764.00
437	SamT1	Samsca 15mg	Viên	Otsuka	Korea	346,500.00	346,500.00
438	SanT1	Sanyrene 20 ml/200 doses	Lọ	Urgo	France	185,724.00	176,880.00
439	SeET1	Seretide Evohaler 25/125mcg	Lọ	GlaxoSmithKline	Spain	248,596.00	248,596.00
440	SezT	Sezstad 10mg	Viên	Stada	Việt nam	3,600.00	3,600.00
441	SezT1	Sezstad 10mg	Viên	STELLA	Việt nam	3,552.00	3,552.00
442	SibT1	Sibifil 50mg	Viên	Health care	Việt nam	13,225.00	13,225.00
443	SIFT1	SIFE-50 50 mg	Viên		India	6,900.00	6,900.00
444	SilT21	Silygamma 150mg	Viên	Dragenopharm	GERMANY	4,776.00	4,776.00
445	SilT1	Silymax-F 140mg	Viên	Mediplantex	Việt nam	3,600.00	3,600.00
446	SmeT	Smecta 3,76g	Gói	IPSEN	France	4,170.00	4,170.00
447	SoBT1	Sodium bicarbonate 8,4% 10ml	Ống	Renaudin	France	25,300.00	25,300.00
448	SorT	Sorbitol 5g	Gói	DP Hậu Giang	Việt Nam	1,260.00	1,260.00
449	SoDT1	Sorbitol Delalande pdre orale	Gói	Sanofi	Việt nam	2,316.00	2,316.00
450	SpRT	Spiriva Respimat 2.5mcg/nhát 4ml	Lọ	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	880,110.00	880,110.00
451	SpiT	Spiromide 20/50mg	Viên nén	Searle	Pakistan	3,314.00	3,314.00
452	SpiT1	Spiromide 40/50mg	Viên	Searle	Pakistan	3,810.00	3,810.00
453	StaT12	Stacytine 200 200mg	Gói	STELLA	Việt nam	1,440.00	1,440.00
454	StaT	Stamlo 5mg	Viên	Dr.Reddy's	India	1,590.00	1,590.00
455	StrT2	Stresam 50mg	Viên	Biocodex	France	3,960.00	3,960.00
456	StuT	Stugeron 25mg	Viên nén	Olic Limited	Thailand	929.00	929.00
457	SucT1	Sucrate 5ml	Gói	Lisapharma	ITALIA	8,625.00	8,625.00
458	SulT3	Sulpiride 50mg	Viên	STELLA	Việt nam	600.00	600.00
459	SuoT1	Suopinchon 20mg / 2ml	Ống	Siu Guan Chem	Taiwan	5,040.00	5,040.00
460	SynT3	Syndopa 275 25mg/250mg	Viên		India	4,080.00	4,080.00
461	TadT12	Tadalafil 10mg	Viên	STELLA	Việt nam	17,250.00	17,250.00
462	TamT	Tamiflu 75mg	Viên	Roche	ITALIA	51,609.00	51,609.00
463	TanT	Tanakan 40mg	Viên	P.T Tanabe	France	5,078.00	5,078.00
464	TanT1	Tanganil 500mg (vien)	Viên	Pierre Fabre	Việt nam	5,534.00	5,534.00
465	TanT11	Tanganil 500mg(inj)	Ống	Pierre Fabre	France	16,523.00	16,523.00
466	TelT1	Telfast 60 mg	Viên	Sanofi	Việt nam	3,730.00	3,730.00
467	TetT	Tetracain 0.5% 10ml	Lọ	DP 3/2	Việt nam	17,267.00	17,267.00
468	TheT	Théostat LP 100mg	Viên	Pierre Fabre	France	2,140.00	2,140.00
469	HydT4	Thiazifar 25mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	186.00	186.00
470	ThyT1	Thyrozol 10mg	Viên	Merck	GERMANY	2,689.00	2,689.00
471	ThyT	Thyrozol 5mg	Viên	Merck	GERMANY	1,680.00	1,680.00
472	TilT1	Tildiem 60mg	Viên	Sanofi	France	2,280.00	2,280.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
473	ToST1	Toujeo SoloStar 300units/ml	Bút tiêm	Sanofi Aventis	GERMANY	456,500.00	456,500.00
474	TraT5	Tracutil 10ml	Lọ	BBraun	GERMANY	37,070.00	37,070.00
475	TraT9	Trajenta 5 mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	Mỹ	18,579.00	18,579.00
476	TrDT5	Trajenta duo (lọ) 2.5/1000 mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	11,139.00	11,139.00
477	TrDT4	Trajenta duo (lọ) 2.5/500 mg	Viên	Boehringer Ingelheim	GERMANY	11,139.00	11,139.00
478	trDT3	Trajenta duo (lọ) 2.5/850 mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	11,139.00	11,139.00
479	TrDT2	Trajenta Duo (vi) 2.5/850mg	Viên	Boehringer Ingelheim Fr	GERMANY	11,139.00	11,139.00
480	TriT4	Trihexyphenidyl 2mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	175.00	175.00
481	TwyT	Twynsta 40/5mg	Viên	M/S Cipla	India	14,354.00	14,354.00
482	TwyT1	Twynsta 80/5mg	Viên	M/S Cipla	India	15,090.00	15,090.00
483	TwyT2	Twynsta 80mg/10mg	Viên	M/S Cipla	India	20,823.00	20,823.00
484	UCOT	UCOLIC 200mg	Viên		Korea	11,960.00	11,960.00
485	UltT	Ultravist 370 inj 100ml	Lọ	Bayer Pharma	GERMANY	693,000.00	693,000.00
486	UniT1	Uniferon 322mg/350mcg	Viên	Mediplantex	Việt nam	3,000.00	3,000.00
487	UpeT	Uperio 50mg (24,3/25,7)	Viên	Novartis	Italy	23,000.00	23,000.00
488	VaMT	Vastarel MR 35mg	Viên	Les Laboratoires	France	3,246.00	3,246.00
489	VerT1	Verospiron 25mg	Viên	Gedeon Richter	Hungary	2,280.00	2,280.00
490	VisT11	Visipaque 320mg l/ml 100ml	Lọ	GE Healthcare	Ireland	1,091,475.00	1,091,475.00
491	VoET	Voltaren Emulgel 1%	Tube	Novartis	Switzerland	72,680.00	72,679.00
492	WarT1	Warfarin 1mg	Viên	SPM	Việt nam	1,920.00	1,920.00
493	WarT	Warfarin 5mg	Viên	SPM	Việt nam	4,200.00	4,200.00
494	XarT2	Xarelto 10mg	Viên	Bayer Pharma	GERMANY	66,700.00	66,700.00
495	XarT	Xarelto 15mg	Viên	Bayer Pharma	GERMANY	66,700.00	66,700.00
496	XarT3	Xarelto 2.5mg	Viên	Bayer	GERMANY	31,306.00	31,306.00
497	XarT1	Xarelto 20mg	Viên	Bayer Pharma	GERMANY	66,700.00	66,700.00
498	XatT2	Xatral XL 10mg	Viên	Sanofi Winthrop	France	17,585.00	17,585.00
499	XenT	Xenetix 350 100ml 350mg 100ml	Lọ	Guerbet	France	698,500.00	698,500.00
500	XyJT	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g	Tube	Recipharm	Sweden	63,940.00	63,940.00
501	YUNT	YUNPRO	Gói	E & S Co	Korea	6,578.00	6,578.00
502	ZanT	Zanedip 10mg	Viên	Recordati	Italy	9,775.00	9,775.00
503	ZenT	Zentel 200mg	Viên nén	OPV	Việt nam	6,440.00	6,440.00
504	ZesT11	Zestril 10mg	Viên	Astra	England	7,713.00	7,713.00
505	ZesT1	Zestril 5mg	Viên	Astra	England	5,441.00	5,441.00
506	ZoiT	Zoloft 50mg	Viên nén	Pfizer	Australia	16,200.00	16,200.00
507	ZopT2	Zopistad 7.5mg	Viên	STELLA	Việt nam	2,856.00	2,856.00
508	ZyrT	Zyrtec 10mg	Viên nén	UCB Farchim S.A	France	8,602.00	8,602.00
Vitamin							
509	BelT1	Belafcap	Viên nh	Phil Inter Pharma	Việt nam	3,360.00	3,360.00
510	BriT2	Briozcal 1.250mg; 125UI	Viên	Lipa	Australia	3,240.00	3,240.00
511	CaVT	Calci- D	Viên	Mekophar	Việt nam	438.00	438.00
512	CaCT33	Calcium Corbiere Extra kids 5ml	Ống	Sanofi	Việt nam	5,771.00	5,771.00
513	CerT1	Cernevit	Lọ	Baxter	Belgium	145,199.00	145,199.00
514	CevT1	Cevita 500 500mg	Ống	DP 3/2	Việt Nam	2,088.00	2,088.00
515	EnCT	Enervon C	Viên		Việt nam	2,755.00	2,755.00
516	FERT1	Ferrovit 162mg/0.75mg/7.50mcg	Viên		Thailand	1,656.00	1,656.00
517	FoiT	Folacid 5mg	Viên	Pharmedic	Việt nam	225.00	225.00
518	GroT1	Growpone 10%10ml	Ống	Farmak JSC	Ukraine	15,295.00	15,295.00
519	MaBT	Magné B6-corbiere	Viên	Sanofi	Việt nam	1,992.00	1,992.00
520	ManT2	Mangistad 5/470mg	Viên	STELLA	Việt nam	975.00	975.00

STT	Mã	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Giá Bán tháng 08.2022	Giá Bán tháng 09.2022
521	MorT2	Moriamin forte	Viên	Roussel	Việt nam	4,032.00	4,032.00
522	NeuT1	Neurobion	Viên	Merck	Indonesia	2,328.00	2,328.00
523	ObiT	Obimin	Viên	United	Việt nam	2,800.00	2,520.00
524	SaET2	Sancoba eye drop 5ml 0.02%	Lọ	Santen	Japan	59,795.00	59,795.00
525	TaBT	Tardyferon B9 50mg; 0,35mg	Viên	Pierre Fabre	France	3,419.00	3,419.00
526	UpsT	Upsa-C 1 g	Viên	Bristol Meyer Squibb.	France	3,998.00	3,998.00
527	ViBT36	Vitamin B1 100mg 2ml	Ống	DP3/2	Việt Nam	1,512.00	1,512.00
528	ViCT17	Vitamin C Stella 1g	Viên	STELLA	Việt nam	1,920.00	1,920.00
529	ViKT12	Vitamine K1 inj 10mg/1ml	Ống	Danapha	Việt nam	5,292.00	5,292.00
530	VitT	Vitarals 20ml	Chai	Pharmedic	Việt nam	14,479.00	14,479.00

Bảng giá lập ngày 05/09/2022 gồm 11 trang và 530 khoản

(Áp dụng tháng số bán theo phê duyệt của Giám Đốc ngày 01/04/2019 để tính giá bán cho bệnh nhân).

Tỷ lệ % số lượng	Tỷ lệ % đơn giá
Mặt hàng ổn định giá : 97.17%	
Mặt hàng tăng giá : 0.57%	0.12% ----->3.7%
Mặt hàng giảm giá : 2.26%	(66.01%) ----->(2.94%)

Giám Đốc

Kế Toán Trưởng

Trưởng Khoa Dược

Lập bảng

TS.BS.Tôn Thất Minh

Ths.Phan Thị Thanh Nga

DSCKI.Lục Thị Bích Huệ

Trần Trung Thanh